

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2025/HNGĐ-ST

Ngày 06/3/2025

V/v: Ly hôn; tranh chấp

nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hải Bằng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Dương Thị Kim Hồng

Bà Nguyễn Thị Bích Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 661/2024/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2025/QĐST-HNGĐ ngày 19/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Mạc Thị V**, sinh năm 1984; địa chỉ đăng ký thường trú trước khi xuất cảnh: H, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương; hiện ở Đài Loan.

Người đại diện theo uỷ quyền đồng thời là người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số B khu A phường T, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Xuân Đ**, sinh năm 1979; địa chỉ: H, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt, đề nghị giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu nộp kèm theo, nguyên đơn là chị Mạc Thị V và người được nguyên đơn uỷ quyền là anh Nguyễn Thanh H trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (UBND) xã A, K vào ngày 05/10/2003. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2013 thì anh Đ bắt đầu sống buông thả, thường uống rượu say xỉn rồi đánh mắng, có lời nói không tôn trọng chị V. Năm 2019 mâu thuẫn vợ chồng rất trầm trọng, chị V đã nộp đơn xin ly hôn nhưng vì muốn cho anh Đ cơ hội nên chị V đã rút đơn để đoàn tụ nhưng vẫn không có kết quả. Tháng 01/2022 chị V về nhà bố mẹ đẻ sinh sống đến tháng 9/2022 chị V đi Đài Loan, vợ chồng không gặp nhau từ đó và cũng ít khi liên lạc vì có mâu thuẫn từ trước. Nay chị V xác định vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Xuân D sinh ngày 16/11/2004 và Nguyễn Xuân T sinh ngày 02/3/2009. Hiện cháu D đã đủ 18 tuổi và đang lao động ở Nhật Bản nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu T thì đề nghị Tòa án giao quyền nuôi con theo nguyện vọng của cháu, nếu cháu ở với anh Đ thì chị V tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng, nếu cháu ở với chị V thì chị V tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị V uỷ quyền cho anh H là người đại diện giao nhận văn bản tố tụng với Tòa án. Anh H đồng ý nhận uỷ quyền của chị V và cam kết thực hiện đúng nội dung uỷ quyền.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/01/2025, bị đơn là anh Nguyễn Xuân Đ trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Đ và chị V kết hôn trên tinh thần tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 05/10/2003 tại UBND xã A, K. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì. Năm 2022 chị V về nhà bố mẹ đẻ ở, nguyên nhân do một lần xô xát nhỏ giữa vợ chồng, sau đó chỉ thỉnh thoảng chị V mới về nhà. Năm 2023 chị V đi Đài Loan đến nay chưa về; trước khi đi chị V không bàn bạc với anh Đ. Ở Đài Loan chị V cũng chỉ gọi điện thoại cho các con, vợ chồng gần như không liên lạc vì anh Đ không sử dụng điện thoại. Anh Đ xác định hiện khó có phương án nào hàn gắn tình cảm vợ chồng vì khoảng cách địa lý xa nhau nhưng anh Đ không bỏ vợ, chị V kiên quyết ly hôn thì tùy chị V.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Xuân D sinh ngày 16/11/2004 và Nguyễn Xuân T sinh ngày 02/3/2009. Cháu D hiện đã thành niên và đi Nhật Bản lao động nên không phải giải quyết. Cháu T hiện đang ở với anh Đ. Khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến khi trưởng thành, yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con. Anh Đ không yêu cầu mức cấp dưỡng cụ thể mà tùy theo sự tự nguyện của chị V, nếu chị V không tự

nguyên mức cấp dưỡng cụ thể thì đề nghị Toà án quyết định theo quy định của pháp luật.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Do anh Đ đi lại khó khăn, không thể tham gia làm việc tại Toà án nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa:

- Các đương sự đều vắng mặt.
- Quan điểm của đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Về việc tuân theo pháp luật, từ khi thụ lý đến phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa, các đương sự cơ bản chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định của pháp luật, xử cho chị Mạc Thị V ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ; con chung Nguyễn Xuân D đã thành niên, có khả năng lao động nên không phải giải quyết; giao con chung Nguyễn Xuân T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành; ghi nhận sự tự nguyện của chị V về việc chị V có trách nhiệm cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng cho cháu T đến khi thành niên; chị V phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp) và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị V đề nghị Tòa án giải quyết về ly hôn, con chung với anh Đ. Chị V, anh Đ đều đăng ký thường trú tại tỉnh Hải Dương nhưng chị V đang ở Đài Loan. Do đó căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 1 Điều 469 BLTTDS, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[1.2] Về tính hợp pháp của văn bản: Các văn bản của chị V ở nước ngoài lập bằng tiếng Việt, có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ở nước ngoài nên công nhận các văn bản này theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 478 BLTTDS.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa các đương sự vắng mặt và đều đề nghị giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227; Điều 228 BLTTDS, xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị V và anh Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Chị V trình bày mâu thuẫn vợ chồng do anh Đ thường say xỉn, đánh mắng, có lời nói không tôn trọng chị V. Anh Đ cho rằng vợ chồng chung sống hoà thuận nhưng từ

năm 2022 chị V tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở chỉ về mâu thuẫn nhỏ nhất, sau đó chị V đi Đài Loan cũng không bàn bạc với anh Đ. Xét thấy chị V và anh Đ ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình (Luật HNGĐ), cần chấp nhận cho chị V ly hôn anh Đ.

[3] Về quan hệ con chung: Chị V và anh Đ có 02 con chung là Nguyễn Xuân D sinh ngày 16/11/2004 và Nguyễn Xuân T sinh ngày 02/3/2009, hiện đang ở với anh Đ. Hiện cháu D đã thành niên, có khả năng tự lao động nên không phải giải quyết. Đối với cháu T hiện đang ở anh Đ, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật HNGĐ, xem xét đề nghị, điều kiện của hai bên, nguyện vọng của con chung, cần giao cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Chị V có quan điểm trường hợp giao cháu T cho anh Đ nuôi dưỡng thì chị V sẽ cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng đến khi con thành niên. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị V nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị V và anh Đ đều không yêu cầu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 BLTTDS và Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, chị V là nguyên đơn yêu cầu ly hôn, có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn và án phí cấp dưỡng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 273, khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 478, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mạc Thị V.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Mạc Thị V ly hôn anh Nguyễn Xuân Đ.

2. Về con chung: Chị Mạc Thị V và anh Nguyễn Xuân Đ có 02 con chung là Nguyễn Xuân D sinh ngày 16/11/2004 và Nguyễn Xuân T sinh ngày 02/3/2009. Con chung Nguyễn Xuân D đã thành niên nên không phải giải quyết. Giao con chung Nguyễn Xuân T sinh ngày 02/3/2009 cho anh Nguyễn Xuân Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Mạc Thị V về việc chị V cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Xuân T 3.000.000 đồng/tháng từ tháng 03/2025 đến khi con chung thành niên.

Chị Mạc Thị V có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Mạc Thị V phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng, đối trừ với 300.000 đồng tiền tạm ứng do anh Nguyễn Thanh H nộp thay tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương ngày 06/12/2024 theo biên lai ký hiệu BLTU/23, số 0005400; chị V còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường A, thị xã K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Hải Bằng